

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁT ĐẠI NGUYÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁT ĐẠI NGUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108695727

**3. Ngày thành lập:** 11/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

NO09-LK 321, Khu Cống Đồng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915115181

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                         | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                          | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                              | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                   | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                    | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                     | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                              | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                       | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                 | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>( không bao gồm dò mìn, nổ mìn )                                                                                 | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                 | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                 | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, cửa cuốn, cửa tự động, dây dẫn chống sét, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, chống ẩm các toà nhà; Xây dựng bể bơi ngoài trời, Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, lợp mái các công trình nhà để ở, Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; thuê cần trục có người điều khiển. | 4390        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7730        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663(Chính) |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                     | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662 |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa,<br>hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ,<br>thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán<br>buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán<br>buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ<br>thể dục, thể thao | 4649 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các<br>cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ<br>dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4759 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai<br>khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu<br>điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác<br>dùng trong mạch điện);                                                                                                                                                                        | 4659 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ ANH TỨ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183259498

Ngày cấp: 22/02/2010

Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn vĩnh Phúc 1, Xã Đức Vĩnh, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: NO09-LK 321, Khu Cổng Đồng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ ANH TÚ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *08/11/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *183259498*

Ngày cấp: *22/02/2010*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hà Tĩnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn vĩnh Phúc 1, Xã Đức Vĩnh, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Vĩnh Phúc 1, Xã Đức Vĩnh, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội